

CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003
quy định về việc xử phạt vi
phạm hành chính trong lĩnh
vực phí, lệ phí.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28
tháng 8 năm 2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
chính,*

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm quy định về thẩm quyền quy định về phí, lệ phí;

b) Vi phạm quy định về đăng ký, kê khai, thu, nộp phí, lệ phí;

c) Vi phạm quy định về mức thu phí, lệ phí;

d) Vi phạm quy định về quy trình, thủ tục lập, báo cáo phương án thu phí;

đ) Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí;

e) Vi phạm quy định về chứng từ thu phí, lệ phí;

g) Vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí;

h) Vi phạm quy định về kế toán phí, lệ phí;

i) Vi phạm quy định về công khai chế độ thu phí, lệ phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về phí, lệ phí mà không phải là tội phạm đều bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

2. Cán bộ, công chức đang thi hành nhiệm vụ, công vụ trong lĩnh vực phí, lệ phí được giao mà có vi phạm hành chính

thì không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định này mà sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí

Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí là hai năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm

quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức lại thực hiện vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực phí, lệ phí hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này; thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí hết hiệu lực thi hành sau một năm kể từ ngày ra quyết định xử phạt; trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thi hành quyết định xử phạt thì thời hiệu nói trên được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, trì hoãn.

Điều 7. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

0639855
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LawSoft

Điều 8. Các hình thức xử phạt

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong những hình thức xử phạt chính sau đây:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- a) Tước quyền sử dụng giấy phép hành nghề, hoạt động theo quy định của pháp luật;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện đã được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị buộc áp dụng một hoặc những biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc phải bồi hoàn số tiền thất thoát do vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí gây ra;
- b) Phải chịu mọi chi phí để thực hiện việc hoàn trả tiền chênh lệch do thực hiện sai pháp luật về phí, lệ phí cho đối tượng nộp phí, lệ phí;
- c) Truy thu các khoản phí, lệ phí trốn nộp;

d) Tịch thu toàn bộ số tiền chênh lệch phí, lệ phí có được do vi phạm hành chính.

4. Các hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và 3 trên đây chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt thì không xử phạt, nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều này.

Chương II

**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC PHÍ, LỆ PHÍ,
HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ
MỨC PHẠT**

Điều 9. Vi phạm quy định về thẩm quyền quy định về phí, lệ phí

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có thẩm quyền mà tự đặt ra quy định về: danh mục phí, lệ phí; mức thu phí, lệ phí; quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí; miễn, giảm phí, lệ phí.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này còn có thể bị xử phạt bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính đã thu, sử dụng tiền phí, lệ phí; đã thực hiện miễn, giảm phí, lệ phí còn bị áp dụng một hoặc những biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 10. Vi phạm quy định về đăng ký, kê khai, thu, nộp phí, lệ phí

1. Đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký, kê khai việc thu, nộp phí, lệ phí:

a) Đăng ký, kê khai chậm thời hạn quy định của pháp luật phí, lệ phí:

- Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu;

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ lần thứ hai trở đi.

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi khai không đúng, khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai thu, nộp phí, lệ phí hay trong tài liệu kế toán để cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký, kê khai việc thu, nộp phí, lệ phí với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

2. Đối với hành vi vi phạm quy định về thu, nộp phí, lệ phí:

a) Đối với hành vi chậm nộp phí, lệ phí theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền:

- Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu;

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ lần thứ hai trở đi.

b) Đối với hành vi không nộp phí, lệ phí theo đúng quy định của pháp luật phí, lệ phí:

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí, lệ phí có giá trị dưới 10.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí, lệ phí có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí, lệ phí có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí, lệ phí có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí, lệ phí có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không nộp phí, lệ phí có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này còn có thể bị xử phạt bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

4. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính quy định tại điểm b và điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 11. Vi phạm quy định về mức thu phí, lệ phí

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thu phí, lệ phí sai với mức phí, lệ phí niêm yết hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà có tình tiết tăng nặng còn có thể bị xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn bị áp dụng một

hoặc những biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và d khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 12. Vi phạm quy định về quy trình, thủ tục lập, báo cáo phương án thu phí

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ lần thứ hai trở đi.

Điều 13. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tiền phí, lệ phí

1. Đối với hành vi sử dụng sai mục đích tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước bị phạt tiền như sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai mục đích có giá trị dưới 10.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai mục đích có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai mục đích có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi sử

dụng tiền phí, lệ phí sai mục đích có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai mục đích có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiền phí, lệ phí sai mục đích có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 của Nghị định này.

Điều 14. Vi phạm quy định về chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước

1. Đối với hành vi vi phạm quy định về in chứng từ:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đặt in, nhận in chứng từ nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản;

b) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng đối với hành vi đặt in, nhận in chứng từ trùng ký hiệu, trùng số.

2. Đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký sử dụng chứng từ:

Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức sử dụng chứng từ đặc thù nhưng không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng chứng từ:

a) Đối với hành vi lập chứng từ không ghi rõ các chỉ tiêu quy định trong chứng từ, trừ các chỉ tiêu xác định số tiền phí, lệ phí:

- Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu;

- Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ lần thứ hai trở đi.

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lập chứng từ khi thu phí, lệ phí, trừ trường hợp thu phí, lệ phí theo quy định không phải lập chứng từ.

c) Căn cứ vào giá trị ghi trên liên chứng từ thu phí, lệ phí giao cho khách hàng, phạt tiền đối với hành vi lập chứng từ có chênh lệch giữa các liên của mỗi số chứng từ như sau:

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch dưới 1.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến

09199855
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-6-3845 6684

3.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch từ 1.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị chênh lệch từ 10.000.000 đồng trở lên.

d) Căn cứ vào giá trị ghi trên liên chứng từ thu phí, lệ phí giao cho khách hàng, phạt tiền đối với hành vi lập chứng từ không như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị dưới 2.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị từ 2.000.000 đến dưới 5.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi số chứng từ có giá trị từ 5.000.000 đồng trở lên.

đ) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho mỗi số chứng từ đối với hành vi sử dụng chứng từ đã hết giá trị sử dụng.

e) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng cho mỗi số chứng từ đối với hành vi tẩy xóa, sửa chữa nội dung các chỉ tiêu của chứng từ đã sử dụng.

g) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho mỗi số chứng từ đối với hành vi sử dụng chứng từ giả.

h) Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ, e và g khoản 3 Điều này tối đa là 100.000.000 đồng.

4. Đối với hành vi vi phạm quy định về quản lý chứng từ:

a) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức thực hiện báo cáo sử dụng, thanh toán, quyết toán sử dụng chứng từ chậm; lưu trữ, bảo quản chứng từ không đúng quy định;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức không báo cáo sử dụng, thanh toán, quyết toán sử dụng chứng từ;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi nhận mua chứng từ không đúng quy định cho mỗi số chứng từ sử dụng. Mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng.

5. Đối với hành vi làm mất, cho, bán chứng từ:

a) Phạt tiền 500.000 đồng đối với hành vi làm mất liên giao cho khách hàng của mỗi số chứng từ chưa sử dụng;

b) Phạt tiền 200.000 đồng đối với hành vi làm mất các liên của mỗi số chứng từ, trừ liên giao cho khách hàng của chứng từ chưa sử dụng;

c) Đối với hành vi cho, bán chứng từ:

- Trường hợp cho, bán chứng từ phát hiện đã sử dụng thì cá nhân, tổ chức cho, bán chứng từ bị xử phạt theo mức quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

- Trường hợp cho, bán chứng từ chưa sử dụng thì cá nhân, tổ chức cho, bán chứng từ bị xử phạt theo mức quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều này.

d) Mức phạt đối với các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều này tối đa là 50.000.000 đồng; riêng trường hợp cho, bán chứng từ phát hiện đã sử dụng áp dụng mức phạt tối đa theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều này.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1; các điểm b, c, d, đ, e, g khoản 3; điểm c khoản 4; điểm c khoản 5 Điều này còn có thể bị xử phạt bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

7. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính quy định tại các điểm b, c, d, đ, g khoản 3; điểm c khoản 4; điểm c khoản 5 Điều này còn bị áp dụng một hoặc những biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và d khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 15. Vi phạm quy định về miễn, giảm phí, lệ phí

1. Đối với hành vi khai man, khai khống hồ sơ để được áp dụng chính sách miễn, giảm phí, lệ phí:

a) Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu;

b) Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm từ lần thứ hai trở đi.

2. Đối với hành vi khai man, khai khống hồ sơ để được hưởng chênh lệch từ việc thực hiện chính sách miễn, giảm phí, lệ phí:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến dưới 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch đến dưới 10.000.000 đồng;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

đ) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm có số tiền chênh lệch từ 300.000.000 đồng trở lên.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này mà có tình tiết tăng nặng còn có thể bị xử phạt bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

4. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 16. Vi phạm quy định chế độ kế toán trong lĩnh vực phí, lệ phí

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định chế độ kế toán đối với phí, lệ phí bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

Điều 17. Vi phạm quy định về công khai chế độ thu phí, lệ phí

Đối với hành vi không thực hiện niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí, lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp phí dễ nhận biết về tên phí, lệ phí, mức thu, chứng từ thu và văn bản quy định thu phí, lệ phí:

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm lần đầu;

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000

đồng đối với hành vi vi phạm từ lần thứ hai trở đi.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÍ, LỆ PHÍ

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí lệ phí thực hiện theo quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31, 34, 35, 36, 37, 38, 39 và Điều 40 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

2. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại Điều 42 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

Điều 19. Thủ tục xử phạt

1. Thủ tục và trình tự xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại các Điều 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60 và Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

2. Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí thu được phải nộp vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước. Chế độ quản lý biên lai thu tiền phạt và tiền nộp phạt thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể thủ tục, trình tự xử lý các biện pháp khắc phục hậu quả nêu tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với những quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí áp dụng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt của cơ quan có thẩm quyền. Việc khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính không làm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.

Điều 21. Xử lý vi phạm

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí mà vụ lợi cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân thì

phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí nếu có hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ hoặc cố tình trì hoãn, trốn tránh thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo các quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

2. Các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí không nêu tại Nghị định được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002.

Điều 23. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 24. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 107/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 về việc điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã Hà Đông, thành lập phường thuộc thị xã Hà Đông và mở rộng thị trấn Vân Đình huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã Hà Đông, thành lập phường thuộc thị xã Hà Đông và mở rộng thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây như sau:

1. Điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã Hà Đông; thành lập phường thuộc thị xã Hà Đông như sau:

a) Chuyển toàn bộ 703,26 ha diện tích tự nhiên và 10.917 nhân khẩu của xã Yên Nghĩa, huyện Hoài Đức; toàn bộ 694,36 ha diện tích tự nhiên và 15.378 nhân khẩu của xã Phú Lương, toàn bộ 271,16 ha diện tích tự nhiên và 5.012 nhân khẩu của xã Phú Lâm, huyện Thanh Oai về thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây quản lý.

b) Thành lập phường Vạn Phúc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Vạn Phúc:

Phường Vạn Phúc có 143,12 ha diện tích tự nhiên và 8.641 nhân khẩu. Địa giới hành chính phường Vạn Phúc: Đông giáp phường Văn Mẫu; Tây giáp xã Văn Khê; Nam giáp phường Quang Trung, phường Yên Kiêu; Bắc giáp xã Đại Mỗ huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

c) Thành lập phường Hà Cầu trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Hà Cầu, thị xã Hà Đông.

Phường Hà Cầu có 154,17 ha diện tích tự nhiên và 6.809 nhân khẩu.

Địa giới hành chính phường Hà Cầu: Đông giáp phường Phúc La; Tây giáp xã Văn Khê; Nam giáp xã Kiến Hưng; Bắc giáp phường Quang Trung và phường Nguyễn Trãi.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính các huyện để mở rộng thị xã Hà Đông và thành lập phường thuộc thị xã Hà Đông: